

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2023
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Màu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Trọng và bà Đỗ Thị Hồng Dung

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện T

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:** Bà Không Thị Chanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lý Thị A, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Lưu Văn B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Lý Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn B kết hôn với nhau ngày 03 tháng 6 năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về gia đình anh B làm dâu ngay và vợ chồng ở chung cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận đến thời gian khoảng đầu năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh B không quan B gì tới gia đình nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay và không còn quan B gì đến nhau. Vợ chồng mâu thuẫn, 2 bên gia đình có biết và hòa giải, dàn xếp nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Từ đầu năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chưa có và chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị A không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Văn B được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không lý do và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Lý Thị A ly hôn anh Lưu Văn B. Chị Lý Thị A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lý Thị A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lưu Văn B, anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, xác định đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh B nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lý Thị A và anh Lưu Văn B kết hôn với nhau ngày 03 tháng 6 năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận đến thời gian khoảng đầu năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn theo chị A nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh B không quan B gì tới gia đình nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan B gì đến nhau. Vợ chồng mâu thuẫn 2 bên gia đình có biết có hòa giải, dàn xếp nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó đến nay vợ chồng không con quan B gì đến nhau. Anh B hiện đang có mặt tại địa A nhưng khi Tòa án triệu tập cũng không lên Tòa án làm việc bỏ mặc chị A tự giải quyết thể hiện hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay anh chị đã ly thân nhau thời gian dài, việc chị A xin ly hôn anh B là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị A, anh B chưa có con chung và chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt không có lý do và không có quan điểm của anh B. Vì vậy, về tài sản, công nợ, công sức Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lý Thị A ly hôn anh Lưu Văn B.

[2] *Về án phí*: Chị Lý Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000486 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Lý Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi